

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC NINH THUẬN

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VÀ NĂM 2023 KÉO DÀI ĐẾN HẾT NGÀY 31/8/2024
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2024	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ (A+B+C)	3.084.572	1.494.825	48%	290.513	95.643	33%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>310.653</i>	<i>231.720</i>	<i>75%</i>	<i>15.168</i>	<i>11.043</i>	<i>73%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	65.577	53.640	82%	23	-	0%
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	65.105	38.414	59%	13.885	9.954	72%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	179.971	139.666	78%	1.260	1.089	86%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	128.764	82.122	64%	1.352	316	23%
1	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	300	-	0%	1.352	316	23%
2	UBND huyện Thuận Nam	8.069	-	0%	-	-	-
3	UBND huyện Ninh Sơn	14.899	328	2%	-	-	-
4	UBND huyện Ninh Phước	4.233	176	4%	-	-	-
5	UBND huyện Bác Ái	326	46	14%	-	-	-
6	UBND huyện Thuận Bắc	4.937	1.143	23%	-	-	-
7	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ	26.000	17.580	68%	-	-	-
8	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70.000	62.849	90%	-	-	-
B	NGÂN SÁCH TỈNH (B.1+B.2)	2.086.488	844.701	40%	2.984	2.424	81%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>83.500</i>	<i>51.257</i>	<i>61%</i>	<i>501</i>	<i>497</i>	<i>99%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	18.635	14.147	76%	3	-	0%
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	16.385	1.128	7%	-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2024	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
3	<i>CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>	48.480	35.982	74%	497	497	100%
B.1	NHÓM BQLDA CHUYÊN NGÀNH	1.710.928	655.592	38%	2.134	1.873	88%
1	BQLDA DTXD các công trình Giao thông	645.870	212.212	33%	-	-	
2	Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	508.568	192.455	38%			
3	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	506.922	222.404	44%			
4	BQLDA DTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	49.568	28.521	58%	2.134	1.873	88%
B.2	NHÓM CHỦ ĐẦU TƯ LÀ SỞ, BAN, NGÀNH	375.560	189.109	50%	850	550	65%
1	Sở Thông tin và Truyền thông	60.000		0%			
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.834	86	1%			
3	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	17.335	388	2%			
4	Chi cục Thủy sản	10.000	332	3%			
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23.930	1.039	4%			
6	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi				251	53	21%
7	Trường Trung cấp Y tế	19.295	6.837	35%			
8	Vườn quốc gia Phước Bình	4.800	1.986	41%			
9	Vườn quốc gia Núi Chúa	6.800	3.246	48%			
10	Trường Cao đẳng Nghề	20.340	9.852	48%	3	-	0%
11	BQLDA SACCR	36.931	17.636	48%			
12	BCH Bộ đội Biên phòng	15.204	9.599	63%			
13	BCH Quân sự tỉnh	32.070	24.974	78%			
14	Công an tỉnh	17.400	13.865	80%			
15	Ban Dân tộc	900	793	88%	596	497	83%

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2024	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
16	Văn phòng Tỉnh uỷ	33.000	28.929	88%			
17	Chi cục thủy lợi	11.628	11.177	96%			
18	Dài Phát thanh - Truyền hình	40.250	38.527	96%			
19	Bệnh viện tỉnh	8.000	8.000	100%			
20	Ban QLDA Tam nông giai đoạn 2	300	300	100%			
21	Ban quản lý khu công nghiệp	11.543	11.543	100%			
C	NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ, THÀNH PHỐ	869.320	568.001	65%	286.177	92.903	32%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>227.153</i>	<i>180.463</i>	<i>79%</i>	<i>14.667</i>	<i>10.546</i>	<i>72%</i>
1	<i>CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</i>	<i>46.942</i>	<i>39.493</i>	<i>84%</i>	<i>19</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
2	<i>CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>48.720</i>	<i>37.286</i>	<i>77%</i>	<i>13.885</i>	<i>9.954</i>	<i>72%</i>
3	<i>CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>	<i>131.491</i>	<i>103.684</i>	<i>79%</i>	<i>763</i>	<i>592</i>	<i>78%</i>
C.1	THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM	234.619	142.199	61%	45	0	0%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>420</i>	<i>410</i>	<i>98%</i>			
1	<i>CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</i>						
2	<i>CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>420</i>	<i>410</i>	<i>98%</i>			
3	<i>CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>						
C.2	NINH SƠN	80.859	54.021	67%	4.635	1.995	43%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>27.290</i>	<i>18.439</i>	<i>68%</i>	<i>1.241</i>	<i>854</i>	<i>69%</i>
1	<i>CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</i>	<i>1.350</i>		<i>0%</i>			
2	<i>CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>12.000</i>	<i>8.312</i>	<i>69%</i>	<i>640</i>	<i>271</i>	<i>0%</i>
3	<i>CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>	<i>13.940</i>	<i>10.126</i>	<i>73%</i>	<i>601</i>	<i>583</i>	<i>97%</i>
C.3	NINH HẢI	139.232	78.284	56%	171.075	51.976	30%

H. G. M.
 40 SẮC
 LÀ NƯỚC
 H. TH. U.

10.0.0.0

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2024	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	7.047	5.321	76%	48	8	17%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025						
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.200	3.095	97%	30		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	3.847	2.225	58%	18	8	45%
C.4	NINH PHƯỚC	78.946	52.569	67%	60		0%
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	4.695	4.564	97%	60		0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025						
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.200	3.137	98%	60		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	1.495	1.426	95%			
C.5	BẮC ÁI	172.243	140.016	81%			
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	130.318	102.845	79%			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	41.522	37.070	89%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	17.500	12.504	71%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	71.296	53.272	75%			
C.6	THUẬN BẮC	96.640	57.106	59%	202		0%
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	33.455	28.152	84%	202		0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	1.070		0%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	1.200	457	38%	65		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	31.185	27.695	89%	137		0%
C.7	THUẬN NAM	66.781	43.806	66%	110.161	38.932	35%
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	23.928	20.733	87%	13.116	9.684	74%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	3.000	2.423	81%	19		0%

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2024	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	11.200	9.371	84%	13.090	9.684	74%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	9.728	8.939	92%	6		0%

Ghi chú:

- Cột 2: Danh sách Chủ đầu tư được sắp xếp theo tỷ lệ giải ngân từ thấp đến cao.
- Cột 3: Số liệu thể hiện là kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho từng dự án và đã nhập Tabmis. Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao: 2.775,5 tỷ đồng. Kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao: 2.962,5 tỷ đồng.
- Kết quả giải ngân nguồn vốn Sở Tài chính thông báo cho dự án cấp tỉnh:
 Nguồn thu sử dụng đất: đã giải ngân 78,6 tỷ đồng, đạt 68,3% mức vốn được thông báo (115,1 tỷ), đạt 37,4% kế hoạch vốn được giao (210,3 tỷ đồng).

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 9 năm 2024 *M. Cui*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Trung Nam
Lê Trung Nam

